TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 422/2024/DS-ST
Ngày: 27 - 6 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm

2. Ông Huỳnh Hồng Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 278/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 197/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 và Khai thác tài sản Ngân hàng S là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 2535A/2022/GUQ-PL ngày 12 tháng 10 năm 2022).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Nhật Kinh K; Địa chỉ nơi làm việc: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Q1 và Khai thác tài sản Ngân hàng S, số B N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền số 2853/2024/UQ-TGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Hoàng Q, sinh năm: 1996

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ E, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ giao dịch trong hợp đồng: 8 đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Nhật K1 K là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26-02-2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S1) và ông Lê Hoàng Q có ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1. Theo đó, S1 đồng ý cấp cho ông Q thẻ Mastercard Classic, số thẻ 512341-7556 với hạn mức sử dụng 10.000.000đ (Mười triệu) đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất áp dụng 2.6%/tháng.

Thực hiện hợp đồng, S1 đã cấp thẻ tín dụng cho ông Q với hạn mức nói trên. Quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 28.335.016 đồng và ông Q chỉ mới trả được số tiền 27.178.000 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/10/2022. S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Q phải thanh toán trả S1 số tiền tạm tính đến ngày 27/6/2024 là 21.174.861 đồng, trong đó nợ gốc là 11.775.749 đồng, nợ lãi quá hạn là 9.399.112 đồng và tiếp tục trả tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 28/6/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Hoàng Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và hai lần xét xử nhưng ông Q đều vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai, ý kiến tại Tòa án, đồng thời Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lê Hoàng Q có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc 11.775.749 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 9.399.112 đồng và buộc ông Q có trách nhiệm tiếp tục trả nợ lãi quá hạn kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S khởi kiện yêu cầu ông Lê Hoàng Q trả tiền nợ gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Như vậy, quan hệ tranh chấp ở đây là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng'', căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có nơi cư trú tại quận T, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nam 2015, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

[1.2.1] Ông Nguyễn Nhật Kinh K là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Nhật Kinh K.

[1.2.2] Tại Phiếu yêu cầu xác minh số 164.1/PYCXM ngày 18 tháng 3 năm 2024, Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời: Ông Lê Hoàng Q đã bán nhà đi khỏi địa phương, không rõ đi đâu. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông Lê Hoàng Q không có đăng ký thường trú hay tạm trú và không thực tế cư trú tại địa chỉ số H đường N, Phường I, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng, nhưng người bị kiện không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú và không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Vì vậy, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Như vậy, ông Lê Hoàng Q là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và điểm b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Lê Hoàng Q.

[1.3] Về trình tự thủ tục hòa giải tại Tòa án: Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây được coi là trường hợp vụ án dân sự không tiến hành hòa giải được.

[1.4] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức xác minh nơi cư trú của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0301103908, đăng ký lần đầu: Ngày 13 tháng 01 năm 1992 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 09 tháng 02 năm 2021 thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S1) là tổ chức tín dụng. S1 giao kết hợp đồng tín dụng với ông Lê Hoàng Q thông qua người đại diện của Ngân hàng, hợp đồng được giao kết bằng văn bản. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của S1 nên đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 118 và Điều 119 Bộ luật dân sự năm 2015. Như vậy, Hợp đồng tín dụng giữa S1 và ông Lê Hoàng Q phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự nên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật, là căn cứ để xác lập các quyền và nghĩa vụ của các bên trong hoạt động tín dụng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả số tiền nợ gốc 11.775.749 đồng, thấy rằng: Giữa S1 và ông Lê Hoàng Q có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26-02-2020 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1. Theo đó, S1 đã cấp cho ông Q thẻ tín dụng Mastercard Classic, số thẻ: 512341-7556, hạn mức sử dụng 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Quá trình sử dụng thẻ, ông Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 28.335.016 đồng, ông Q chỉ mới trả được số tiền 27.178.000 đồng, sau đó ngưng đến nay không thanh toán, đã vi phạm mục 18 và mục 19 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân. Vì vậy, S1 đã chấm dứt việc sử dụng thẻ, đồng thời tiến hành thu hồi nợ đối với khoản nợ gốc còn lại 11.775.749 đồng chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên mục 13 và mục 24 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân và quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Bị đơn ông Lê Hoàng Q trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời khai, cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh ông Q đã thanh toán khoản nợ gốc nói trên cho S1, nên bị đơn phải gánh chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu

cầu của nguyên đơn dựa trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được theo quy định của pháp luật.

Như vậy, xét thấy ông Q đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ trong hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên S1 yêu cầu ông Q phải thanh toán số tiền nợ gốc 11.775.749đ (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi suất quá hạn 3,9%/tháng trên số tiền nợ gốc 11.775.749 đồng kể từ ngày 23/10/2022 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 9.399.112 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26-02-2020 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S1, các bên thỏa thuận: Lãi suất trong hạn tại thời điểm làm thẻ là 2.6%/tháng (theo Quyết định số 2399/2019/QĐ-TTT ngày 06-8-2019 của S1); lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng N nên được chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì ông Q đã không trả khoản tiền gốc 11.775.749 đồng cho S1 là đã vi phạm thời hạn trả nợ thỏa thuận tại mục 18 và mục 19 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo thỏa thuận tại mục 24 Điều khoản thì ông Q đã vi phạm trả gốc nêu trên đã kích hoạt điều khoản chuyển nợ quá hạn đối với toàn bộ dư nợ gốc kể từ ngày 23/10/2022 đối với thẻ Mastercard Classic.

Căn cứ vào Bảng tóm tắt sao kê tổng hợp số tiền vốn gốc và tiền lãi quá hạn mà ông Q phải thanh toán cho S1 tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 9.399.112đ (Chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn một trăm mười hai) đồng. Do đó, S1 yêu cầu ông Q phải trả tiền lãi nêu trên là có cơ sở chấp nhận.

[2.4] Tổng cộng tiền nợ gốc và nợ lãi quá hạn ông Lê Hoàng Q có trách nhiệm thanh toán trả S1 như sau: 11.775.749 đồng + 9.399.112 đồng = 21.174.861đ (Hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi mốt) đồng.

[3] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: S1 yêu cầu ông Q tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Như đã lập luận tại đoạn [2.2] và [2.3] nêu trên, xét Hợp đồng tín dụng giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên yêu cầu này của S1 là phù hợp với hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 21.174.861đ (Hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi mốt) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.058.743đ (Một triệu không trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi ba) đồng.

[5.2] Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 395.427đ (Ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001314 ngày 28 tháng 02 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 118; Điều 119; Điều 280; Điều 401; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014 và 2018;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.1. Buộc ông Lê Hoàng Q phải thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc 11.775.749đ (Mười một triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi chín) đồng và khoản tiền nợ lãi quá hạn 9.399.112đ (Chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn một trăm mười hai) đồng; tổng cộng là 21.174.861đ (Hai mươi mốt triệu một trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm sáu mươi mốt) đồng

tính đến ngày 27-6-2024 phát sinh từ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26-02-2020 kèm Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Lê Hoàng Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.058.743đ (Một triệu không trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm bốn mươi ba) đồng.

2.2. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 395.427đ (Ba trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số 0001314 ngày 28 tháng 02 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh lập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính